TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 5 – 2023
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Văn Hào.
- Ông Lê Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hường – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 277/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 199x. Địa chỉ: Xóm A, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên toà (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Đình D. Sinh năm 199x. Địa chỉ: Xóm B, xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình D làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 03/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình D là trên tinh thần tự nguyện của hai bên, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân. Đến nay, bà Nguyễn Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình D.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình D có 01 con chung là Lê Đình Tiến D1 – sinh ngày 29/10/201x. Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho cho bà Nguyễn Thị H được

quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lê Đình D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Đình D không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị H; Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của ông Lê Đình D.

Tòa án đã tiến hành xác minh thông qua ông Lê Đình M (là bố của ông Lê Đình D) tại Biên bản xác minh ngày 21/3/2023 thì ông Lê Đình M cho biết: "Ông Lê Đình M và bà Nguyễn Thị Th là bố mẹ đẻ của anh Lê Đình D – sinh năm 199x (Trú tại xóm B, xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An). Ông Lê Đình M là người trực tiếp nhận các văn bản do Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tống đạt qua bưu điện cho anh Lê Đình D gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án số 277 ngày 19/10/2022 và Thông báo số 492 ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương. Sau khi nhận được các văn bản này của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thì ông Lê Đình M đã gọi điện thoại thông báo cho anh Lê Đình D biết về việc chị Nguyễn Thị H đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Đình D nhưng do thời điểm đó anh Lê Đình D đang đi làm ăn ở xa nên không về kịp để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương. Anh Lê Đình D và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2015 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Trong thời kỳ hôn nhân, anh Lê Đình D và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là Lê Đình Tiến D1 – sinh ngày 29/10/201x. Hiện nay cháu Lê Đình Tiến D1 đang sinh sống ở nhà ông bà ngoại tại xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Sau khi được ông Lê Đình M thông báo cho anh Lê Đình D biết việc chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn thì ông Lê Đình M có nghe anh Lê Đình D phản hồi thông tin là anh Lê Đình D không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Còn nếu chị Hoài kiên quyết đòi ly hôn thì anh Lê Đình D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Lê Đình Tiến D1. Hiện nay anh Lê Đình D đã đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài ở Philippin cách đây khoảng 20 ngày đến 25 ngày. Ông Lê Đình M1 không biết địa chỉ cư trú, sinh sống, làm việc hiện nay của anh Lê Đình D ở Philippin nên không thể cung cấp thông tin về địa chỉ cư trú, làm việc hiện nay của anh Lê Đình D cho Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An".

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình D.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lê Đình Tiến D1, sinh ngày 29/10/201x cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê Đình D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Lê Đình D có địa chỉ cư trú cuối cùng tại xóm B, xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với ông Lê Đình D, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Đình D đã đi ra nước ngoài. Căn cứ công văn số 8729/QLXNC-P5 ngày 17/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an có nội dung: "Trường hợp Lê Đình D, sinh ngày 08/8/199x tại Nghệ An. CMND số 040092039111; khai hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã sử dụng hộ chiếu số P01438983 để xuất cảnh ngày 11/3/2023 qua cửa khẩu Nội Bài; hiện chưa có thông tin nhập cảnh".

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự"*.

Như vậy, việc trong quá trình giải quyết vụ án mà ông Lê Đình D đi ra nước ngoài không làm ảnh hưởng đến thẩm quyền giải quyết vụ án, do đó Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Vụ án ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình D, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt do đang ở nước ngoài. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ; bị đơn đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng và đã biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến trình bày là tự từ bỏ quyền lợi của bị đơn.

Do đó việc vắng mặt của các đương sự tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/3/2015 và căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị H, ông Lê Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 30/3/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An, do đó hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình D là hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy bà Nguyễn Thị H, ông Lê Đình D sống ly thân từ năm 2020 đến nay và cả hai người đều không chăm lo cho nhau, không người nào có biện pháp để giữ gìn hạnh phúc gia đình, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình D.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình D có 01 con chung là Lê Đình Tiến D1 – sinh ngày 29/10/201x. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Lê Đình Tiến D1 cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng bà Nguyễn Thị H. Xét từ năm 2020 đến nay, cháu Lê Đình Tiến D1 sinh sống ổn định với bà Nguyễn Thị H. Trong khi hiện nay ông Lê Đình D đã xuất cảnh ra nước ngoài nên việc giao con chung cho ông Lê Đình D chăm sóc nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền và lợi ích của con chung. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển lâu dài của cháu Lê Đình Tiến D1 nên cần giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Lê Đình Tiến D1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lê Đình D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê Đình D.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình D.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Đình Tiến D1 – sinh ngày 29/10/201x cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê Đình D.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị H đã nạp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002715 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã GST, huyện ĐL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Hào **Trần Văn Hải** **Nguyễn Hồng Hà**